

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI

Mẫu số 12/ĐK
CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **1125** /PCTT-VPĐK-ĐK

TP.HCM, ngày **25** tháng **4** năm 2025

**PHIẾU CHUYỂN THÔNG TIN
ĐỂ XÁC ĐỊNH NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH VỀ ĐẤT ĐAI
CỦA 13 HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ NHẬN CHUYỂN NHƯỢNG ĐẤT
NÔNG NGHIỆP**

Kính gửi: Đội Thuế liên huyện Quận 7 – Nhà Bè.

I. THÔNG TIN VỀ HỒ SƠ THỦ TỤC ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI

- 1.1. Mã hồ sơ: *theo danh sách đính kèm 13 hồ sơ.*
1.2. Ngày nhận hồ sơ: ngày 08 tháng 4 năm 2025.

II. THÔNG TIN CHUNG VỀ NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT:

- 2.1. Tên: CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN PHÚ MINH
2.2. Địa chỉ: Lầu 2 Tòa nhà Imperia, số 5 Đường Đông Tây 1, Khu phố 5, phường An Phú, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.
2.3. Số điện thoại liên hệ:..... Email (nếu có):.....
2.4. Mã số thuế (nếu có):.....
2.5. Giấy tờ nhân thân/pháp nhân:
Số.....; ngày cấp:..... nơi cấp... ..
2.6. Loại thủ tục cần xác định nghĩa vụ tài chính: Đăng ký nhận chuyển nhượng đất nông nghiệp.

III. THÔNG TIN VỀ ĐẤT VÀ TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

- 3.1. Thông tin về đất: **Theo danh sách đính kèm 13 hồ sơ.**
3.1.1. Thửa đất số: ; Tờ bản đồ số: ;
3.1.2. Địa chỉ tại: xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè.
3.1.3. Vị trí theo Bảng giá đất:
- Đường/đoạn đường/khu vực: Khu vực 3/ không tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ nằm trong phạm vi 200m.
- Vị trí thửa đất: vị trí 2.

- Chiều sâu của thửa đất (nếu có):m.

- Chiều rộng của ngõ/hẻm (nếu có):.....m.

3.1.4 Diện tích thửa đất: m²

- Diện tích sử dụng chung: m²

- Diện tích sử dụng riêng:m²

- Diện tích phải nộp tiền sử dụng đất/tiền thuê đất:.....m²

- Diện tích không phải nộp tiền sử dụng đất (tiền thuê đất):.....m²

- Diện tích đất trong hạn mức:.....m²

- Diện tích đất ngoài hạn mức:.....m²

3.1.5. Nguồn gốc sử dụng đất:

3.1.6. Mục đích sử dụng đất:.

3.1.7. Thời hạn sử dụng đất:

- Ổn định lâu dài:

- Có thời hạn:.....năm. Từ ngày/...../..... đến ngày:...../...../.....

- Gia hạn..... năm. Từ ngày/...../..... đến ngày:...../...../.....

3.1.8. Thời điểm bắt đầu sử dụng đất từ ngày:...../...../.....;

3.1.9. Giá đất: theo Quyết định số 79/QĐ-UBND ngày 21 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố về sửa đổi, bổ sung Quyết định số 02/2020/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2020 của Ủy ban nhân dân thành phố quy định về Bảng giá đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

3.1.10. Giấy tờ về quyền sử dụng đất: theo danh sách đính kèm 13 hồ sơ.

3.2. Thông tin về tài sản gắn liền với đất

3.2.1. Loại nhà ở, công trình;; cấp hạng nhà ở, công trình:.....;

3.2.2. Diện tích xây dựng: m²;

3.2.3. Diện tích sàn xây dựng: /diện tích sử dụng: m²;

3.2.4. Diện tích sở hữu chung; Diện tích sở hữu riêng:.....m²;

3.2.5. Số tầng:.

3.2.6. Nguồn gốc:.....

3.2.7. Thời hạn sở hữu đến: năm.

IV. THÔNG TIN VỀ NHU CẦU GHI NỢ NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH

- Tiền sử dụng đất:.....

- Lệ phí trước bạ:.....

V. NHỮNG GIẤY TỜ KÈM THEO DO NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT NỘP

- Đính kèm 13 hồ sơ đăng ký nhận chuyển nhượng đất nông nghiệp gồm:
 - + Giấy chứng nhận.
 - + Công văn số 169/UBND-ĐT ngày 11 tháng 01 năm 2024 của UBND Thành phố
 - + Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất.
 - + Đơn đăng ký biến động.

Nơi nhận:

- Như trên;
 - Giám đốc Sở (để b/c);
 - Trung tâm Công nghệ thông tin (để đăng tin);
 - Công ty CP Sài Gòn Minh Phú;
 - Lưu: VT, ĐK(HS), Ngọc.
- HS: 503/2025. *ngv*

KT. GIÁM ĐỐC**PHÓ GIÁM ĐỐC ✓****Thân Thế Hùng**

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



DANH SÁCH 13 HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ NHẬN CHUYỂN NHƯỢNG ĐẤT NÔNG NGHIỆP

Đính kèm Phiếu chuyển số112.5...../PC-VPĐK-ĐK ngày 15 tháng 4 năm 2025 của Văn phòng Đăng ký đất đai Thành phố

| STT | Biên nhận | Số vào sổ cấp GCN/ngày ký GCN | Thửa đất | Tờ Bản đồ | Diện tích đất nhận chuyển nhượng (m ²) | Mục đích sử dụng đất | Thời hạn sử dụng đất | Ghi chú |
|-----|-----------|-------------------------------|----------|-----------|--|----------------------------|----------------------|---|
| 1 | 503 | Số H 02856 ngày 18/4/2008 | 682 | 50 | 2570,00 | Đất trồng lúa | 18/04/2028 | |
| 2 | 504 | Số H 01989 ngày 15/8/2007 | 672 | 50 | 750,40 | Đất trồng lúa | 15/02/2066 | |
| 3 | 505 | Số H 02604 ngày 10/3/2008 | 684 | 50 | 116,00 | Đất nuôi trồng thủy sản | 10/03/2028 | |
| 4 | 506 | Số H 02926 ngày 19/5/2008 | 691 | 50 | 952,00 | Đất trồng lúa | 15/07/2064 | |
| 5 | 507 | Số H 02603 ngày 10/03/2008 | 683 | 50 | 3498,00 | Đất nuôi trồng thủy sản | 10/03/2028 | |
| 6 | 508 | Số CH 00092 ngày 9/3/2010 | 721 | 50 | 150,00 | Đất trồng lúa | 20/10/2029 | |
| 7 | 509 | Số CS 07318 ngày 29/04/2016 | 775 | 50 | 1010,60 | đất trồng lúa nước còn lại | 28/01/2023 | |
| 8 | 510 | Số CH 00094 ngày 9/3/2010 | 54 | 50 | 0,60 | Đất trồng lúa | 19/12/2020 | Phần diện tích đất còn lại trong Giấy chứng nhận năm trong giao đất của Quyết định số 1892/QĐ-UBND ngày 14 tháng 4 năm 2016 và Quyết định số 3639/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2017 của UBND Thành phố |
| | | | 734 | 50 | 111,40 | Đất trồng cây lâu năm | 19/12/2050 | |
| 9 | 511 | Số CS 13122 ngày 16/08/2022 | 796 | 50 | 4917,20 | đất trồng lúa nước còn lại | 10/08/2064 | |

| STT | Biên nhận | Số vào sổ cấp GCN/ngày ký GCN | Thửa đất | Tờ Bản đồ | Diện tích đất nhận chuyển nhượng (m ²) | Mục đích sử dụng đất | Thời hạn sử dụng đất | Ghi chú |
|-----|-----------|-------------------------------|----------|-----------|--|----------------------------|----------------------|---|
| 10 | 512 | Số H 02820 ngày 7/4/2008 | 687 | 50 | 474,00 | Đất trồng lúa | 15/02/2066 | |
| 11 | 513 | Số H 02900 ngày 5/5/2008 | 690 | 50 | 527,20 | Đất trồng lúa | 05/05/2028 | Phần diện tích đất còn lại trong Giấy chứng nhận nằm trong ranh thu hồi đất của Quyết định số 1892/QĐ-UBND ngày 14 tháng 4 năm 2016 và Quyết định số 3639/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2017 của UBND Thành phố |
| 12 | 514 | Số CS 13121 ngày 16/8/2022 | 798 | 50 | 1108,30 | đất trồng lúa nước còn lại | 18/03/2064 | |
| 13 | 515 | Số CS 13123 ngày 16/8/2022 | 797 | 50 | 2255,90 | đất trồng lúa nước còn lại | 19/03/2069 | |

799